

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 01 -2023.

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thế Tự

2. Ông Phan Công Điện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 548/2022/TLST-HN ngày 07 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Mai Thị Thu H, sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Nguyễn Văn H1, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Tôi và ông H1 qua tìm hiểu quen biết, sau một thời gian thì tiến tới hôn nhân. Chúng tôi có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Cần Thơ ngày 27/5/2002 nhưng không có tổ chức lễ cưới.

Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Sau đó, đến năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc chia sẻ lẫn nhau, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể hàn gắn được và đã ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay. Nên tôi khởi kiện yêu cầu ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Văn H1.

Về con chung: Quá trình chung sống có 03 con chung: Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 19/3/1999, Nguyễn Văn H, sinh ngày 26/3/2003 và Nguyễn Văn M, sinh ngày 09/10/2013. Đối với Nguyễn Thị Hồng Diệu và Nguyễn Văn Hải đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng Nguyễn Văn M, sinh ngày 09/10/2013 hiện đang sống với tôi, tôi yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Văn H1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy trình thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án, kiểm sát viên đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Văn H1; Về con chung: Đối với Nguyễn Thị Hồng D và Nguyễn Văn H đã trưởng thành nên không xem xét. Riêng Nguyễn Văn M, sinh ngày 09/10/2013 giao cho bà H, chăm sóc, nuôi dưỡng, chưa có yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn Nguyễn Văn H1 có địa chỉ tại ấp Tân Quới Rạch, xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại các phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn xuất phát từ sự tự nguyện, quá trình sống chung đến nay có đăng ký kết hôn theo luật định nên quan hệ hôn nhân giữa các đương sự được pháp luật thừa nhận. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bà H và ông H1 bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột trong tình cảm vợ chồng nên không còn quan tâm,

chăm sóc lẫn nhau. Từ đó, vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, hôn nhân không còn hòa hợp. Bà H và ông H1 đã nhiều lần hàn gắn nhưng không giải quyết được mâu thuẫn nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Quá trình giải quyết, Hội đồng xét xử cũng đã tạo điều kiện cho bà H có cơ hội hàn gắn nhưng bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống có 03 con chung: Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 19/3/1999, Nguyễn Văn H, sinh ngày 26/3/2003 và Nguyễn Văn M, sinh ngày 09/10/2013. Đối với Nguyễn Thị Hồng Diệu và Nguyễn Văn Hải đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Riêng đối với cháu Nguyễn Văn M thì bà H có yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Đồng thời, hiện nay cháu M đang sống chung với bà H và cháu cũng có nguyện vọng được sống chung với bà H nên cần ổn định cuộc sống cho cháu. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà H và cháu M. Giao cháu Nguyễn Văn M cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Dành quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Nguyễn Văn H1 không ai có quyền ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con chung do chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng theo quy định.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, Điều 53; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Mai Thị Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: Đối với Nguyễn Thị Hồng Diệu, sinh ngày 19/3/1999 và Nguyễn Văn Hải, sinh ngày 26/3/2003 đã trưởng thành nên không xem xét. Riêng cháu Nguyễn Văn M, sinh ngày 09/10/2013 giao cho bà Mai Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn H1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung

do chưa có yêu cầu. Dành quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Nguyễn Văn H1 không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Mai Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 00008432 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Bà Mai Thị Thu H không phải nộp thêm.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- UBND xã nơi cư trú;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Tuấn Khanh